

CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA NHẬT BẢN ĐỐI VỚI BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN (1910 – 1945)

Cao Nguyễn Khánh Huyền

NCS Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

Email: khanhhuyencao2109@gmail.com

TÓM TẮT

Từ năm 1910 đến năm 1945, Triều Tiên bị đặt dưới ách thống trị của Nhật Bản và phải chịu sự bóc lột trên nhiều phương diện, nhất là kinh tế, bị mất chủ quyền dân tộc và đứng trước nguy cơ bị đồng hóa. Nhật Bản đã “sáp nhập” Triều Tiên thành một phần lãnh thổ của mình thuộc Khối Thịnh vượng chung Đại Đông Á (Japan's Greater East Asia Co-Prosperity Sphere) đồng thời tận dụng những lợi thế về khoa học - kỹ thuật và sức mạnh quân sự để khai thác các nguồn lương thực, tài nguyên và nhân lực của Triều Tiên. Dưới tác động từ những chính sách khai thác thuộc địa của Nhật Bản, nền kinh tế Triều Tiên có những biến chuyển nhất định theo cả hai chiều hướng tích cực lẫn tiêu cực. Xuất phát từ thực tiễn lịch sử đó, bài viết nhằm khái quát những chính sách trọng điểm về kinh tế của Nhật Bản đối với Triều Tiên trong giai đoạn 1910 - 1945, từ đó nêu ra những tác động của các chính sách đó đối với nền kinh tế của bán đảo này.

Từ khóa: Triều Tiên, Nhật Bản, kinh tế, chính sách.

1. Tình hình kinh tế - xã hội Triều Tiên trước khi bị Nhật chiếm đóng

Vào nửa sau thế kỷ XVIII, năm 1868, Nhật Bản đã tiến hành công cuộc Duy Tân Minh Trị phát triển đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa. Những thành công của công cuộc duy tân không những giúp Nhật Bản thoát khỏi nguy cơ bị tư bản nước ngoài xâm lược mà còn vươn lên hàng ngũ đế quốc hùng mạnh, sánh vai cùng các cường quốc Âu – Mỹ. Bằng sức mạnh quân sự, kể từ năm 1868, Nhật Bản bắt đầu kế hoạch xâm chiếm các nước láng giềng, trong đó có Triều Tiên, buộc Triều Tiên phải ký kết hiệp ước Kanghwa gồm 12 điều khoản (do phía Nhật Bản đơn phương đưa ra), trong đó có nhiều điều khoản bất bình đẳng, vi phạm chủ quyền Triều Tiên (2/1876). Phần bổ sung của hiệp ước này bao gồm một hiệp định thương mại và thỏa thuận nhập khẩu đều do phía Nhật Bản soạn thảo và được ký kết vào tháng 7.

Những lý do quan trọng nhất khiến Triều Tiên trở thành mục tiêu của Nhật Bản lúc bấy giờ là do Triều Tiên là nước láng giềng lân cận và có tài nguyên thiên nhiên phong phú và năng suất lúa cao. Do đó, có thể thấy yếu tố kinh tế là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy Nhật Bản tiến hành thâm tóm, tiến tới chính thức xâm lược và thống trị Triều Tiên trong 30 năm (1910 – 1945). Các văn kiện quy định trong hiệp ước Kanghwa tạo cơ sở pháp lý cho sự xâm lược của Nhật Bản, thông qua việc trao cho quốc gia này nhiều đặc quyền về ngoại giao, thuế

quan, thương mại và lưu thông tiền tệ. Hiệp ước Kanghwa là bước đi chính thức đầu tiên của Nhật Bản trong tiến trình “mở cửa” các nước láng giềng sau nhiều thế kỷ thực hiện chính sách cô lập.

Trước hết, kinh tế của Triều Tiên mang đầy đủ những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế phương Đông truyền thống – kinh tế tự cung tự cấp¹. Hộ gia đình và làng xã được xem là những đơn vị cơ bản nhất đảm bảo cho quá trình sản xuất và trao đổi hàng hóa diễn ra có hiệu quả. Nông nghiệp lúa nước vẫn là ngành kinh tế chủ đạo, trong khi thủ công nghiệp và thương nghiệp chưa thực sự phát triển. Sự tích lũy vốn trong nền kinh tế Triều Tiên chỉ được thể hiện thông qua việc sở hữu và tích trữ đất đai. Trên thực tế, đất đai thuộc quyền sở hữu của nhà nước. Nhà nước tiến hành kiểm soát việc phân phối đất đai cho mọi giai tầng trong xã hội. Do đó, một hệ thống thuế khóa dần dần được hình thành và thiết lập nhằm mang lại nguồn thu cho nhà nước.

Dưới triều đại hậu Joseon (1392 – 1910), sự suy sụp của các công xưởng cũng như những ngành kinh tế được triều đình bảo hộ và điều hành đã khuyến khích giới thợ thủ công và các thành phần tư nhân phát triển, liên kết thành các phường, hội sản xuất cùng ngành nghề. Hoạt động ngoại thương vốn chưa thực sự có dấu ấn rõ nét ở các triều đại trước đã có bước phát triển hơn trước. Những nhà cung cấp các sản phẩm ở các trung tâm lớn như Seoul dần dần tích lũy được nguồn vốn từ công việc kinh doanh có lãi đã tạo nên quan niệm mới về sự giàu có. Việc luân chuyển và tích lũy vốn không những chỉ xuất hiện ở quá trình sở hữu số lượng đất đai và nông nô như trước, mà còn qua số tiền thu được trong quá trình trao đổi hàng hóa². Nguồn vốn thương mại được tích lũy thông qua hoạt động trao đổi, buôn bán đã phá vỡ dần dần tính chất khép kín mang tính cố hữu của nền kinh tế Triều Tiên. Các hoạt động thương mại tiếp tục có sự phát triển nhanh chóng trong thế kỷ XVIII. Quá trình tích lũy tư bản đã diễn ra thông qua việc mở rộng cơ chế thương mại độc quyền và buôn bán lớn, có sự tham gia của nhà nước lẫn thương nhân ở nhiều cấp độ khác nhau.

Các hoạt động buôn bán độc quyền làm cho nhu cầu về kim loại, đặc biệt là bạc và đồng tăng nhanh, qua đó tác động mạnh mẽ đến ngành công nghiệp khai mỏ và luyện kim. Bên cạnh đó, nhu cầu về sản xuất, lưu thông và tiêu thụ hàng hóa đã khuyến khích sự đa dạng trong nông nghiệp. Nếu như trước đây nông nghiệp Triều Tiên chỉ chú trọng vào sản xuất lương thực, lúa gạo thì ở thời kỳ này, các nguyên liệu cho thủ công nghiệp cũng như nông sản phục vụ cho nhu cầu thương mại xuất hiện và dần chiếm ưu thế như nhân sâm, sợi gai dầu, thuốc lá và các loại thảo dược... Năng suất nông nghiệp phát triển đã kích thích các quý tộc, quan lại và những người nông dân giàu có tìm mọi cách mở rộng sản xuất kinh doanh thông qua việc thuê mướn đất đai và nhân công. Một bộ phận nông dân, tá điền không có đất canh tác buộc phải vào làm thuê ở các khu mỏ và công xưởng ở những thành phố lớn.

¹ Shannon McCune (1956), *Korea's Heritage: A Regional and Social Geography*, C. E. Tuttle Co., Tokyo, pp.84

² Shannon McCune (1956), *Korea's Heritage: A Regional and Social Geography*, C. E. Tuttle Co., Tokyo, pp.84

Từ đây, một quá trình giải phóng nông nô diễn ra hết sức nhanh chóng do những hệ quả của nền sản xuất xã hội. Hiện tượng “thương mại hóa” bộ máy quan lại được thể hiện rõ nét thông qua việc mua bán chức tước. Hơn nữa, một nền kinh tế bắt đầu có sự phân tách giàu nghèo dựa trên hoạt động buôn bán, sản xuất cũng khiến cho vị thế xã hội và tiềm lực của cải của nhiều thành phần thay đổi nhanh chóng. Những bộ phận nông dân giàu có nổi lên, trong khi một số quý tộc lại rơi xuống vị thế của người bình dân. Số lượng nông nô thuộc sở hữu của các quan lại cũng giảm mạnh, do quý tộc không còn đủ sức nuôi dưỡng, buộc phải trả tự do cho họ để đổi lấy những khoản tiền chuộc hoặc trả những khoản nợ thuế. Trong hoàn cảnh đó, một số nông nô tự nhân trở thành tá điền hoặc những người canh tác tự do có vốn trong tay. Tính từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, số lượng nông nô giảm từ 170.000 người xuống chỉ còn 27.000 người³.

Như vậy, có thể thấy, từ những năm đầu thế kỷ XIX cho đến trước khi bị Nhật Bản xâm lược, thống trị nền kinh tế Triều Tiên đã xuất hiện những dấu ấn mạnh mẽ đầu tiên của một nền kinh tế hàng hóa. Những trào lưu, chủ trương cải cách, học tập phương Tây, những thành tựu kinh tế - xã hội đã đẩy đưa số giới quan lại quý tộc vào tình trạng phá sản trong khi tầng lớp nông dân và thương gia ngày càng trở nên giàu có. Đây được xem là động lực để các giai tầng này lật đổ vòng kiềm tỏa của chế độ phong kiến truyền thống. Bên cạnh đó, sự du nhập của những giá trị phương Tây, đặc biệt là tư tưởng kinh tế - xã hội châu Âu đã tạo ra làn sóng đòi canh tân từ phía một bộ phận quan lại. Nền kinh tế Triều Tiên cho đến những năm đầu thế kỷ XIX đã xuất hiện những khuynh hướng cải cách, nhất là trong thương nghiệp. Người dân cho rằng ngoài việc lấy phát triển nông nghiệp làm trọng tâm, nhà nước cũng cần phải học hỏi một cách nghiêm túc những tư tưởng nước ngoài và đặc biệt là công việc kinh doanh, buôn bán theo kiểu châu Âu. Một số quan lại đã ủng hộ cuộc cải cách triệt để nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, những bất ổn về chính trị cũng như hạn chế về ý thức hệ đã kìm hãm những đề xuất đó. Sự biến đổi về mặt kinh tế đưa đến sự phân hóa giai cấp, trong đó lực lượng thương gia ngày càng đông đảo, thông qua những mối hôn nhân với hoàng tộc, thâm tóm cả về kinh tế lẫn chính trị. Trước sự cai trị hà khắc và bảo thủ của quý tộc phong kiến kiểu cũ, tầng lớp thương nhân này là một trong những lực lượng đi tiên phong trong công cuộc lật đổ vòng kiềm tỏa của xã hội truyền thống, mở đường cho nền kinh tế mới phát triển. Tóm lại, những tín hiệu của nền kinh tế - xã hội tiên tiến dần dần xuất hiện, nhưng lại bị những giá trị cũ của chế độ phong kiến kìm hãm. Điều này đã đưa đến những bất ổn không nhỏ trong lòng xã hội, nhất là giữa lực lượng sản xuất tiến bộ với một quan hệ sản xuất đã lỗi thời.

³ Kiến Văn, Nguyễn Anh Dũng (2010), *Hàn Quốc – đất nước con người*, NXB Thời Đại, TP.HCM, pp. 101

2. Khái quát chính sách kinh tế của Nhật Bản đối với Triều Tiên (1910 – 1945)

Sự kiện ký kết bản Hiệp ước sáp nhập (Annexation Treaty) vào ngày 22 tháng 8 năm 1910 giữa vua Sunjong, Triều Tiên và đại diện Nhật Bản đã chấm dứt sự tồn tại của một nhà nước phong kiến Triều Tiên độc lập. Kể từ đây, lãnh thổ Triều Tiên trở thành một bộ phận của Nhật Bản với mục đích nhằm “duy trì hòa bình và sự ổn định của Triều Tiên, thúc đẩy sự thịnh vượng và phúc lợi của Triều Tiên”⁴. Tuy nhiên, dưới ách thống trị của Nhật Bản, dân tộc Triều Tiên không được hưởng những quyền lợi tốt đẹp như mục đích đã được nêu ra, mà ngược lại còn phải chịu ách cai trị hà khắc trên mọi bình diện, kéo dài cho đến năm 1945.

Trên bình diện kinh tế, Nhật Bản ban hành nhiều chính sách nhằm khai thác và tận dụng triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như nhân tài, vật lực của Triều Tiên

Nông nghiệp được đánh giá là lĩnh vực chủ chốt trong nền kinh tế Triều Tiên, cũng là ngành kinh tế thu hút sự quan tâm hàng đầu của Nhật Bản trong quá trình khai thác thuộc địa. Đối với Nhật Bản, Triều Tiên được ví như là một “vựa lúa” cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu cho quốc gia này thông qua việc nhập khẩu lúa gạo. Trên thực tế, những cuộc khủng hoảng xã hội đã đưa đến những bất ổn nhất định trên thị trường lúa gạo nội địa của Nhật Bản, nhất là trong những năm cuối chiến tranh thế giới thứ nhất, buộc quốc gia này phải đương đầu với sự thiếu hụt trầm trọng cũng như sự gia tăng nhu cầu cung ứng lúa gạo. Nhận thức được tầm quan trọng của nông nghiệp, chính quyền Nhật Bản đã có những chính sách nhất định nhằm khai thác tối đa nguồn lợi này từ Triều Tiên. Trước tiên là thông qua việc thực hiện các chính sách về ruộng đất. Chính quyền Nhật Bản ưu tiên quá trình tái cơ cấu lại hệ thống đất đai Triều Tiên. Đây được xem là bước đi cơ bản nhất tiến tới việc thu tóm nền kinh tế của quốc gia này.

Năm 1910, Nhật Bản cho thiết lập Cục điều tra đất (the Bureau of Land Survey) và ban hành pháp lệnh điều tra đất (the Land Survey Ordinance) được ban hành. Từ năm 1911 đến năm 1918, Nhật Bản đã cho ban bố một loạt các sắc lệnh, quy định về việc sở hữu ruộng đất nhằm điều chỉnh lại cấu trúc nông nghiệp cũ thời hậu Joseon. Các cơ sở pháp lý cho chủ sở hữu ruộng đất được ban hành, hình thành thị trường đất đai và cho phép người nước ngoài được mua bán đất ở Triều Tiên⁵. Chính quyền thuộc địa Nhật Bản còn tiến hành quốc hữu hóa toàn bộ đất của hoàng gia, đất của nhà chùa cũng như ruộng đất tư của các yangban⁶ không đủ cơ sở pháp lý chứng thực quyền sở hữu. Nhiều ruộng đất được quốc hữu hóa dần dần rơi vào tay của các công ty Nhật Bản thông qua các thương vụ mua bán.

Tính đến năm 1936, hơn 2/3 số đất đai của Triều Tiên bị người Nhật thu tóm. Để tăng sản lượng nông nghiệp, Nhật Bản đã có những nỗ lực đáng kể để mở rộng diện tích canh tác. Tuy nhiên, những hạn chế về điều kiện đất đai và khí hậu đã khiến cho quá trình này gặp nhiều

⁴ Andrew C.Nahm (2005), *Lịch sử & Văn hóa bán đảo Triều Tiên*, NXB Văn hóa Thông tin, HN, pp.212

⁵ Betty L.King (1975), *Japanese colonialism and Korean economic development (1910 – 1945)*, Asian Studies, Vol XIII, No.3, December 1975 ; pp.5

⁶ 양반 Hay còn gọi là lưỡng ban, dùng để chỉ giai cấp thống trị bao gồm quan lại và học giả

trở ngại. Theo thống kê, năm 1938, diện tích đất có thể canh tác là 4.957.730,7 chungbo⁷, tăng không đáng kể so với năm 1925 với 4.571.546 chungbo⁸.

Song song với đó, Nhật Bản còn hỗ trợ nông dân trong các chương trình thủy lợi, tưới tiêu cũng như các biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh và côn trùng. Quá trình hiện đại hóa nông nghiệp vốn đã được chính quyền Nhật Bản thực hiện ở Triều Tiên trong giai đoạn 1905 – 1910 vẫn được tiếp tục trong 35 năm cai trị chính thức sau đó. Các trạm kiểm nghiệm giống và kiểm nghiệm thực vật được xây dựng. Năm 1908, hai trạm kiểm nghiệm giống được thành lập ở tỉnh Kyongsan Namdo và Chungchong Namdo, đến năm 1910, đã có thêm năm trạm kiểm nghiệm nữa được xây dựng ở các tỉnh thành khác⁹. Một trong những nỗ lực đáng ghi nhận trong chính sách hiện đại hóa nền nông nghiệp Triều Tiên của Nhật Bản là việc quốc gia này liên tục thành lập các sở kỹ thuật nhằm phát triển chất lượng đất và gửi các chuyên viên kỹ thuật sang các tỉnh Daegu, Pyongyang của Triều Tiên. Năm 1912, vụ Kỹ thuật Nông nghiệp được thành lập ở hầu khắp các tỉnh thành nhằm quản lý, đề ra các kế hoạch cụ thể cho sự phát triển chăn nuôi, trồng bông, sản xuất lụa cũng như lúa gạo.

Tuy những nỗ lực đó ít nhiều góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp Triều Tiên phát triển, song những ích lợi thu được chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của Nhật Bản. Năm 1938, Triều Tiên sản xuất ra 24.138.874 suk¹⁰ gạo, nhưng xuất khẩu ra nước ngoài đến 9,521,000 suk. Những năm về sau, lượng gạo xuất khẩu luôn chiếm hơn một nửa tổng sản lượng gạo mà Triều Tiên sản xuất¹¹. Năm 1943, tổng số gạo sản xuất ở Triều Tiên là 3.002,4 triệu suk¹², nhưng khoảng 45% sản lượng thu hoạch được mang đến Nhật hay đến các vùng khác đang có chiến tranh¹³.

Về công nghiệp, đây được xem là lĩnh vực thể hiện rõ nhất “dấu ấn” của Nhật Bản thông qua các chính sách nhằm công nghiệp hóa Triều Tiên. Trước hết, Nhật Bản tiến hành thu hút toàn bộ hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng của nước ngoài vào Triều Tiên. Luật Hợp tác (Corporation Laws) với Triều Tiên cấm quốc gia này xây dựng các nhà máy, xí nghiệp mà không có sự cho phép của chính quyền Nhật Bản, cũng như cấm các nhà tư bản Nhật Bản đầu tư vào Triều Tiên. Vốn được đầu tư thông qua các dự án của chính phủ Nhật Bản trên các lĩnh vực như giao thông vận tải, thông tin liên lạc... cũng đã góp phần vào sự phát triển của các thành phần kinh tế tư bản Triều Tiên.

Những thay đổi to lớn hơn của nền công nghiệp Triều Tiên đến từ sự chuyển dịch từ một nền kinh tế nông nghiệp thuần túy, sang kinh tế nông – công nghiệp hiện đại hơn dựa trên

⁷ Đơn vị đo lường đất của Hàn Quốc, 1 chungbo tương đương với 2,45 acres

⁸ Shannon McCune (1956), *Korea's Heritage: A Regional and Social Geography*, C. E. Tuttle Co., Tokyo; pp.85

⁹ Ramon H. Myers, Mark. R. Peattie (1984), *The Japanese Colonial Empire (1895 – 1945)*, Princeton University Press, USA, pp.434

¹⁰ 1 suk gần bằng 5 gạ ≈ 100kg

¹¹ Shannon McCune (1956), *Korea's Heritage: A Regional and Social Geography*, C. E. Tuttle Co., Tokyo; pp.86

¹² 1 lít ≈ 1kg gạo

¹³ Andrew C. Nahm (2005), *Lịch sử & Văn hóa bán đảo Triều Tiên*, NXB Văn hóa Thông tin, HN; pp.247

nguồn lợi thủy điện và khai khoáng. Nhật Bản đã biến Triều Tiên thành nguồn cung ứng và chế biến các nguyên liệu thô phục vụ cho sản xuất công nghiệp. Chính phủ Nhật trợ cấp cho các hoạt động khai thác khoáng sản ở Triều Tiên, đặc biệt là các khoáng sản thiết yếu cho sự phát triển công nghiệp nặng như antraxit, than non, quặng sắt, đồng, vàng, bạc, magnie... Bên cạnh đó, các cơ sở vật chất, hạ tầng cho sự phát triển công nghiệp cũng được xây dựng và nâng cấp, nhằm phục vụ cho quá trình chế biến nguyên liệu thô và sản xuất linh kiện trước khi được đem về lắp ráp tại Nhật Bản. Các công trình thủy điện được tái cấu trúc với quy mô và công suất lớn hơn ở phía bắc bán đảo Triều Tiên, lân cận khu vực sông Yalu. Do tính chất phân tán của các nguồn tài nguyên ở Triều Tiên, chính phủ Nhật Bản ưu tiên nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để thuận lợi hơn cho công cuộc khai thác. Dưới sự “vận động” của các thương nhân Nhật Bản, tiêu biểu là Yamaguchi Tahee, mạng lưới đường sắt, hải cảng, đường sá cũng mọc lên nhiều hơn trước nhằm kết nối kinh tế liên vùng. Năm 1924 có hơn 1500 dặm đường ray, khoảng 1/6 đường đô thị được đưa vào vận hành¹⁴.

Quá trình công nghiệp hóa ở Triều Tiên còn được thể hiện thông qua sự xuất hiện của các sản phẩm công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng. Vải bông, lụa, giày cao su, mũ thời trang, găng tay... được sản xuất hàng loạt và ngày càng phổ biến trong đời sống xã hội. Các nhà máy được xây dựng ngày càng nhiều. Trong khoảng thời gian chiến tranh, nhất là sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ngành công nghiệp Triều Tiên có những đóng góp không nhỏ cho nền công nghiệp quốc phòng của Nhật Bản, nhất là trong sản xuất súng và tàu chiến. Trong quá trình đó, hàng ngàn lao động Triều Tiên bao gồm những công nhân lành nghề và nguồn nhân lực kỹ thuật cao bị bắt sang các vùng chiến sự hoặc sang Nhật Bản để phục vụ trong các hầm mỏ, công xưởng, khu công nghiệp. Năm 1940, số lượng các chuyên viên kỹ thuật của Triều Tiên chỉ chiếm 20% tổng số lực lượng lao động đang hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp ở chính quốc.

Về quan hệ sản xuất, chính phủ và các nhà tư bản Nhật Bản tìm cách thống trị các hạn ngạch công nghiệp trọng yếu của Triều Tiên. Tính đến năm 1938, tư bản Nhật Bản đã sở hữu 3,136 công ty, chiếm 57,7 % tổng số các công ty hoạt động trên lãnh thổ Triều Tiên. Trong khi đó, con số này ở Triều Tiên chiếm số lượng ít hơn với 42,1 % , hầu hết là các công ty ở quy mô nhỏ với số vốn không đáng kể. Người Nhật nắm gần như toàn bộ nền công nghiệp huyết mạch của Triều Tiên. Cho đến năm 1940, 94% doanh nghiệp sản xuất, 100% ngành công nghiệp gas và điện, 100% sản xuất gốm đều do người Nhật sở hữu. Theo thống kê, tính đến năm 1945, 89% tổng số vốn thanh toán cho các nhà máy, cơ sở công nghiệp, ngân hàng, bảo hiểm của Triều Tiên đều thuộc về các nhà đầu tư Nhật Bản¹⁵. Mặc dù vậy, các nhà tư bản Triều Tiên cũng có nhiều đóng góp vào sự phát triển của nền sản xuất công nghiệp quốc gia, nhất là trên lĩnh vực công nghiệp dệt may. Các khu dệt may của người Triều Tiên được xây dựng ở ngoại ô Seoul,

¹⁴ Jun Uchida (2011), *Broker of Empire: Japanese Settler Colonialism in Korea, 1876 – 1945*, Harvard University Asia Center, USA; pp. 243

¹⁵ Betty L.King (1975), *Japanese colonialism and Korean economic developement (1910 – 1945)*, Asian Studies, Vol XIII, No.3, December 1975; pp.6 – 7

Pyongyang, Incheon và Gwangju. Tuy nhiên, vào đầu những năm 40 của thế kỷ XX, ngành dệt may nội địa gặp phải những khó khăn nhất định, khi thiếu các nguyên liệu thô để sản xuất cũng như phần lớn các cây công nghiệp bị chiến tranh tàn phá.

Trên lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chính quyền Nhật Bản tiến hành kiểm soát nền tài chính Triều Tiên bằng việc thành lập một loạt các ngân hàng. Ngân hàng Triều Tiên (the Bank of Joseon) (1909) ra đời với mục đích điều phối nền tài chính và thực thi các cải cách trên lĩnh vực tài chính – tiền tệ nói chung. Năm 1918, Ngân hàng Công nghiệp Triều Tiên (the Industrial Bank of Joseon) được thành lập, cùng với Công ty phát triển phương Đông (Oriental Development Company) hỗ trợ các hoạt động tài chính nông nghiệp và công nghiệp của người Nhật ở Triều Tiên. Tương tự, một loạt các ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực thương mại như The Savings Bank of Joseon, Chosen Trust, Insurance Company... cũng như một loạt viện tài chính khác được thành lập. Các tư bản độc quyền Nhật Bản nắm phần lớn các khoản tiền kí gửi và cho vay trong các ngân hàng. Các khoản cho vay giữa các nhà tài chính Nhật Bản và Triều Tiên cũng có sự chênh lệch rất lớn. Lãi suất cho vay dành cho người Nhật cũng thấp hơn người Triều Tiên rất nhiều. Do đó mà số nợ của các nhà tài chính Triều Tiên ngày một tăng lên. Theo thống kê, từ năm 1910 đến năm 1937, trong khi số nợ của Triều Tiên tăng từ 28,9% lên đến 39,8% thì các thông số đó của Nhật Bản giảm dần từ 68,7% xuống còn 60,1% trong cùng thời điểm.¹⁶

Trên lĩnh vực phương tiện vận tải và giao thông, liên lạc, để phục vụ cho quá trình khai thác, Nhật Bản tiến hành đầu tư nâng cấp hệ thống đường sá. Bên cạnh tuyến đường sắt Seoul – Incheon được xây dựng từ năm 1899, năm 1945, Nhật Bản còn chú trọng vào việc mở rộng tuyến đường xe lửa dài 6,362 km, cùng với 20,000 dặm đường¹⁷ mới được xây dựng; nâng cấp vận tải hàng hải, tăng cường quản lý dịch vụ bưu chính và thông tin liên lạc.

3. Một số nhận xét về chính sách kinh tế của Nhật Bản đối với bán đảo Triều Tiên (1910 – 1945)

Có thể thấy, chính sách kinh tế của Nhật Bản đối với Triều Tiên được ban hành và thực thi tương đối toàn diện, thể hiện những đặc điểm cơ bản nhất của chính quyền thực dân là đầu tư, khai thác và bóc lột. Cũng như các chính sách khác, chính sách kinh tế của Nhật Bản với Triều Tiên đều có những tác động sâu sắc trên cả hai khía cạnh tích cực lẫn tiêu cực.

Trước hết, về khía cạnh tích cực, không thể phủ nhận được rằng quá trình đầu tư đóng vai trò quan trọng, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tính hiệu quả của tiến trình khai thác và bóc lột của chính quyền Nhật Bản đối với người dân Triều Tiên. Nền kinh tế Triều Tiên từ năm 1915 đến năm 1940, dưới ách thống trị của Nhật Bản có những sự tăng trưởng nhất định. Nhật Bản

¹⁶ Betty L.King (1975), *Japanese colonialism and Korean economic development (1910 – 1945)*, Asian Studies, Vol XIII, No.3, December 1975; pp.9

¹⁷ Gregory Henderson (1968), *Korea, the politics of vortex*, Harvard University Press, pp 98

luôn nỗ lực trong việc tăng năng suất và sản lượng nông sản, nhất là lúa gạo thông qua việc đề ra kế hoạch mở rộng sản xuất gạo (Rice Expansion Plans hay còn gọi là Rice Increase Plans), được thực hiện từ năm 1916 cho đến năm 1940 đã mang lại những thành tựu đáng kể.

Trong nông nghiệp, những chính sách của Nhật Bản đã góp phần kích thích sản lượng gạo tăng lên, đặc biệt là giai đoạn từ năm 1915 đến năm 1935 tăng hơn gấp hai lần. Trong suốt hơn hai thập kỷ, sản lượng nông nghiệp tăng 85%, sản lượng gạo tăng 50%, năng suất lúa bình quân tăng 26%. Nhờ đó, kim ngạch xuất khẩu gạo tăng lên nhanh chóng, đến năm 1939 tăng 279% so với năm 1915. Sự tăng trưởng trên chủ yếu đến từ những thành tựu kỹ thuật trong cải cách nông nghiệp như áp dụng các thành tựu kỹ thuật khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tận dụng có hiệu quả các nguồn phân bón, cải tiến và nâng cao chất lượng giống cũng như trang bị các thiết bị nông nghiệp hiện đại.

Chỉ số tăng trưởng nông nghiệp của Triều Tiên¹⁸

Năm	Sản lượng nông nghiệp (Yên)	Sản lượng lúa gạo (gạo suk)	Năng suất lúa/ mẫu (acre) ¹⁹	Xuất khẩu gạo
1915 – 19	100	100	100	100
1920 – 24	118	106	106	167
1925 – 29	140	109	106	286
1930 – 34	153	126	116	375
1935 – 39	185	150	127	379

Nền công nghiệp của Triều Tiên bắt đầu có những dấu hiệu khởi sắc đáng kể, từ thập niên 30 trở đi và ngày càng thu hút sự quan tâm từ các tập đoàn tư bản lớn của Nhật Bản như Mitsui, Mitsubishi, Sumimoto... cùng với các doanh nghiệp lớn như Noguchi, nhất là trên khía cạnh thương mại và công nghiệp. Triều Tiên dần trở thành mảnh đất thu hút dòng chảy tư bản và các kỹ thuật hiện đại từ người Nhật đầu tư vào các ngành công nghiệp khai khoáng, thủy điện, hóa chất... Điều này cho thấy sự chuyển dịch từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến sang các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao như công nghiệp hóa chất, sản xuất sợi tổng hợp và phân bón hóa học. Theo thống kê, thị phần của ngành công nghiệp chế tạo chỉ chiếm khoảng 11% tổng sản lượng công nghiệp vào năm 1911 đã tăng lên 24% năm 1930 và 40% năm 1943. Tương tự, các lĩnh vực thuộc công nghiệp nặng cũng có mức tăng trưởng đáng kể, từ 38% năm 1930 tăng lên 70% năm 1942²⁰. Điều này đã góp phần kéo theo sự phát triển các nhân tố khác của nền sản xuất công nghiệp. Trong suốt giai đoạn từ năm 1936 đến năm 1943, số lượng các nhà máy công nghiệp tăng từ 5,927 lên 14,856 kéo theo sự gia tăng nhanh chóng của số lượng công nhân làm thuê từ

¹⁸ Yunshik Chang (1971), *Colonization as Planned Changed: The Korean Case*, Cambridge University Press; pp.173

¹⁹ 1 acre $\approx$ 0,4 ha

²⁰ Yunshik Chang (1971), *Colonization as Planned Changed: The Korean Case*, Cambridge University Press, pp.178

188,250 lên 549,751²¹. Bảng thống kê dưới đây cho thấy sự phát triển của tổng giá trị sản phẩm công nghiệp trong hơn 20 năm, từ năm 1922 đến năm 1944. Có thể thấy giá trị danh nghĩa tăng vượt trội từ 223,3 triệu yen năm 1922 lên hơn 20 tỷ yen năm 1944. Tuy nhiên, khi xét về giá trị thực tế đã được điều chỉnh theo sự thay đổi của mức giá chung (corrected for changes in price level) thì mức tăng nhỏ hơn rất nhiều. Mặc dù vậy, mức tăng của tổng giá trị sản phẩm công nghiệp từ năm 1922 đến năm 1944 cũng đạt đến 80%.

Phát triển sản xuất công nghiệp ở Triều Tiên²²

Năm	Tổng giá trị sản phẩm công nghiệp	
	Triệu Yên	Điều chỉnh theo giá bán buôn (triệu Yên)
1922	223.3	721.7
1929	351.5	641.3
1933	367.2	520.3
1937	959.3	672.0
1938	1.1140,1	690.0
1944	20.500	1.376,7

Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng đã đầu tư nhiều cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, xây dựng các nhà máy và các tuyến đường xe lửa thuận lợi hơn cho quá trình trung chuyển. Động thái đầu tư mặc dù chủ yếu chỉ nhằm hỗ trợ cho quá trình khai thác thuộc địa có hiệu quả, song không thể phủ nhận nó mang lại cho Triều Tiên một bộ mặt mới, là hệ quả tất yếu, khách quan và ngoài ý muốn của chính quyền Nhật Bản.

Trên lĩnh vực tài chính – tiền tệ, một thực tế đáng lưu ý rằng nền kinh tế Triều Tiên thời hậu Joseon chưa có sự thống nhất về tiền tệ, chủ yếu là các loại tiền xu được phát hành ở những bối cảnh, niên đại và ở những địa điểm khác nhau. Ở khu trung tâm và Tây Bắc Triều Tiên sử dụng đồng nikel; ở miền Nam và Đông Bắc chủ yếu lưu hành loại xu đúc bằng đồng còn ở các hải cảng, đồng tiền của Nhật được lưu hành tự do. Để thuận lợi cho quá trình khai thác, buôn bán và nắm giữ các huyết mạch kinh tế Triều Tiên, Nhật Bản đã tiến hành thống nhất tiền tệ, áp đặt một hệ thống tài chính – tiền tệ chung theo mô hình của quốc gia mình lên trên lãnh thổ Triều Tiên. Qua đó, mọi hoạt động buôn bán và trao đổi hàng hóa cũng như giá trị sản xuất công nông nghiệp đều được quy đổi bằng Yên Nhật. Chính sách này mặc dù mang tính chất nô dịch áp đặt, thủ tiêu nền tài chính truyền thống của Triều Tiên nhưng nó có tác dụng mang lại sự ổn định nhất định trong việc lưu thông tiền tệ, thuận lợi hơn trong quá trình trao đổi hàng hóa.

Mặc dù có một những tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế Triều Tiên, song xét về bản chất, các chính sách của chính quyền Nhật Bản vẫn mang bản chất bóc lột của một nước đế quốc với một nước thuộc địa.

²¹ Hochin Choi (1971), *The Economic History of Korea - From the Earliest Times to 1945*, The Freedom Library, 1971; pp. 284

²² Betty L.King (1975), *Japanese colonialism and Korean economic developement (1910 – 1945)*, Asian Studies, Vol XIII, No.3, December 1975, pp.15

Sản xuất và giá trị công – nông nghiệp của Triều Tiên tuy có tăng lên đáng kể so với trước thời kỳ thuộc địa, song các mức tăng thực tế không lớn. Phần lớn lượng gạo và ngũ cốc sản xuất ra được xuất khẩu sang Nhật Bản. Có một thực tế rằng nông sản do Triều Tiên sản xuất có chất lượng và giá thành tốt hơn rất nhiều so với nông sản ở vùng Manchuria, do đó, giá trị xuất khẩu lúa gạo từ Triều Tiên tăng nhanh chóng, nhất là từ năm 1915 đến năm 1939. Trong thời điểm trải qua hai cuộc chiến tranh thế giới, Triều Tiên trở thành kho cung cấp lương thực, thực phẩm cho quân đội Nhật Bản. Người dân Triều Tiên chỉ được hưởng một phần rất nhỏ thành quả do mình lao động, do đó vẫn rơi vào cảnh nghèo nàn, sức tiêu thụ lương thực giảm mạnh. Các chính sách về đất đai của Nhật Bản góp phần làm gia tăng bộ phận tá điền trong xã hội Triều Tiên. Số tá điền này khi lĩnh canh làm thuê cho các chủ đất ngoài việc phải trả từ 58% đến 90% tổng số thu hoạch còn phải nộp đủ các loại thuế như thuế đất (land taxes), phí kiểm định gạo (inspection of rice) cũng như đóng góp sức lao động cho các chủ đất. Thu nhập thực tế của các hộ nông nghiệp từ mùa vụ thực sự rất ít, chiếm khoảng từ 18% đến 25%. Sự bần cùng ở các vùng nông thôn xuất hiện, bất chấp quá trình công nghiệp hóa đang diễn ra rầm rộ ở các thành phố lớn trong suốt thời kỳ thuộc địa của Nhật Bản.

Tương tự, các hoạt động công nghiệp của Triều Tiên mặc dù có sôi nổi hơn trước song vẫn có sự mất cân bằng, nhất là giữa cơ cấu công nghiệp chế biến với công nghiệp nặng. Ngành công nghiệp nặng được đầu tư và phát triển vượt trội hơn các hạn ngạch khác chủ yếu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh. Nguyên liệu thô và nguồn tài nguyên khoáng sản của Triều Tiên là niềm khao khát to lớn đối với Nhật Bản. Mục đích chủ yếu của Nhật Bản khi đầu tư khai thác vào lãnh thổ Triều Tiên, không phải là nhằm hiện đại hóa nền kinh tế cũng như mang lại sự phát triển ổn định cho đa số người dân mà chủ yếu phục vụ cho tham vọng bá chủ của mình. Các nhà tư bản và các doanh nghiệp Triều Tiên gần như bị hạn chế quyền lợi về kinh tế, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Hàng hóa trao đổi và mua bán được ở Triều Tiên cũng quy ra đồng tiền của Nhật Bản. Do đó, có thể thấy, nền kinh tế truyền thống của Triều Tiên hầu như bị đóng băng và chủ yếu hoạt động dưới sự thiết kế và tác động của chính quyền Nhật Bản. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Triều Tiên trong toàn bộ thời gian thuộc địa mặc dù đạt gần 4%/năm, cao hơn cả tốc độ tăng trưởng của chính nền kinh tế Nhật Bản²³, nhưng điều kiện sống của những người dân Triều Tiên không thực sự cao. Hay nói cách khác, GDP bình quân đầu người tăng một cách rõ rệt, nhưng GNP bình quân đầu người Triều Tiên trên thực tế lại giảm.

4. Kết luận

Những “di sản” để lại từ chính sách khai thác kinh tế thuộc địa của Nhật Bản đối với Triều Tiên một phần nào đó cho thấy những tác động tích cực như đã phân tích ở trên, qua đó góp phần tạo nên tiền đề cho phong trào công nghiệp hóa ở Triều Tiên nói chung. Kinh tế Triều Tiên trước khi bắt đầu quá trình tư bản hóa đã manh nha những yếu tố của một nền kinh tế hàng hóa, thể hiện sự phát triển của thương nghiệp. Cho đến thế kỷ XVIII, Seoul đã tiến những bước

²³ <http://cks.inas.gov.vn/index.php?newsid=133>

dài trong việc trở thành một thành phố thương mại và công nghiệp. Sự xuất hiện đồng đảo và vai trò của tầng lớp thương nhân cũng được khẳng định hơn trong xã hội. Ngay cả trong nông nghiệp, hàng hóa được sản xuất ra không chỉ dùng để đóng, nộp tô thuế hay tiêu dùng mà còn để trao đổi, mua bán. Sự xâm lược của Nhật Bản từ nửa sau thế kỷ XIX, dẫn đến việc Triều Tiên bị sáp nhập vào lãnh thổ Nhật Bản có những tác động trực tiếp đến nền kinh tế đang ở trong giai đoạn “lưng chừng” của Triều Tiên. Cụ thể hơn, mặc dù đầu tư với mục đích bóc lột song các khoản đầu tư của Nhật Bản vào Triều Tiên đã phần nào đưa nền kinh tế của quốc gia này vượt qua những khuôn mẫu truyền thống như trồng nông, sản xuất thủ công, thô sơ... bước đầu đi vào ứng dụng máy móc vào sản xuất. Một số “di sản” vật chất từ thời kỳ Nhật Bản bắt đầu xâm lược hoặc thời kỳ thuộc địa như Ngân hàng quốc gia Busan (1878), Ngân hàng Joseon (1909) hay các cơ sở hạ tầng, các tuyến đường sắt, khu mỏ, đồn điền... cũng được tận dụng về sau.

Tuy nhiên, chính sách trên cũng góp phần làm khánh kiệt nhân tài và vật lực Triều Tiên phục vụ cho chính quốc, nhất là trong hai cuộc chiến tranh thế giới, khiến cho những giá trị cốt lõi của nền kinh tế trọng nông của Triều Tiên thay đổi và phát triển thiếu cân đối, thiếu cơ sở và nền tảng những năm đầu sau khi giành được độc lập. Cụ thể, như đã trình bày ở trên, do chủ yếu đầu tư phục vụ nhu cầu cho hai cuộc Chiến tranh thế giới, Nhật Bản chú trọng phát triển công nghiệp nặng như công nghiệp luyện kim, khai khoáng, chế tạo vũ khí phục vụ chiến tranh. Nông nghiệp và thủ công nghiệp cũng được sản xuất để phục vụ cho quân đội Nhật Bản. Có một điểm cần lưu ý đó là quá trình công nghiệp hóa ở Triều Tiên dưới ách thống trị của Nhật Bản diễn ra không đều. Nửa phía Bắc của bán đảo đã được công nghiệp hóa nhiều hơn cộng thêm sự dồi dào về nguồn tài nguyên thiên nhiên so với nửa phía Nam vốn vẫn còn nặng về nông nghiệp. Kết quả là sự chia cắt đất nước đã dẫn đến một miền Bắc công nghiệp hóa đáng kể và một miền Nam chủ yếu làm nông nghiệp.

Tóm lại, có thể thấy, bên cạnh một số tác động tích cực, trong đó tác động được xem là quan trọng nhất chính là việc tạo ra một số cơ sở vật chất, hạ tầng nhất định được cả CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc tận dụng sau này và đặt nền móng cho trào lưu công nghiệp hóa ở bán đảo Triều Tiên, những nội dung trong chính sách kinh tế của Nhật Bản cũng không có nhiều điểm khác so với các chính sách bóc lột thuộc địa khác. Do đó, những tín hiệu tích cực mang lại chỉ chiếm một phần rất nhỏ cũng như là yếu tố khách quan, nằm ngoài dự tính của chính quyền thuộc địa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Shannon McCune (1956). *Korea's Heritage: A Regional and Social Geography*, C. E. Tuttle Co., Tokyo.
- [2]. Yunshik Chang (1971). *Colonization as Planned Changed: The Korean Case*, Cambridge University Press.

- [3]. Hochin Choi (1971). *The Economic History of Korea - From the Earliest Times to 1945*, The Freedom Library.
- [4]. Gregory Henderson (1968). *Korea, the politics of vortex*, Harvard University Press, USA.
- [5]. Betty L.King (1975). *Japanese colonialism and Korean economic developement (1910 – 1945)*, Asian Studies, Vol XIII, No.3.
- [6]. Tae Jeong Lee (2010). *Economic Policies of Japan in the Colonial Korea and Taiwan*, http://yeri.yonsei.ac.kr/new/bbs/data/workshop/101218_02.pdf, Department of Economics, Yonsei University, Korea.
- [7]. Ramon H.Myers, Mark. R.Peattie (1984). *The Japanese Colonial Empire (1895 – 1945)*, Princeton University Press, USA.
- [8]. Andrew C.Nahm (2005). *Lịch sử & Văn hóa bán đảo Triều Tiên*, NXB Văn hóa Thông tin, HN.
- [9]. Jun Uchida (2011). *Broker of Empire: Japanese Settler Colonialism in Korea, 1876 – 1945*, Harvard University Asia Center, USA.
- [10]. Kiến Văn, Nguyễn Anh Dũng (2010). *Hàn Quốc – đất nước con người*, NXB Thời Đại, TP.HCM
- [11]. <http://cks.inas.gov.vn/index.php?newsid=133>

ECONOMIC POLICIES OF JAPAN TOWARD KOREA PENINSULA (1910 – 1945)

Cao Nguyen Khanh Huyen

Ph.D student, Department of History, Hue University College of Sciences

Email:khanhhuyencao2109@gmail.com

ABSTRACT

From 1910 to 1945, Korea was put under the yoke of Japan and had to bear the exploitation in all its aspects, especially in the economy. Moreover, they were at risk of being assimilated by Japan as well as losing the national sovereignty. In fact, Japanese government turned Korea into the legal part of their territory belonged to the Japan's Greater East Asia Co-Prosperity Sphere, utilizing their advantages of scientific technique and military power to exploit the food resources, natural resources and labour forces effectively. Hence, the colonial exploitation policies of Japan affected Korea's economy noticeably in both positive and negative trends. According to the historical fact, this article summarises the priority economic policies of Japan during the colonial period (1910 – 1945) toward the peninsula; consequently, it points out various effects to the economy.

Keywords: *Korea, Japan, economy, policy.*